

Số: 189 /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 04 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành cơ chế quản lý đầu tư thực hiện

Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH LAI CHÂU

ĐẾN Số: 713
Ngày: 04/3/2014
Chuyên: B60, Kế hoạch, Đầu tư
Lưu hồ sơ số:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

(8) Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; Quyết định 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi nguyên tắc, cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Liên bộ Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Thông tư 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02/12/2013 của liên Bộ Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC; Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/10/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Lai Châu đến năm 2020; Nghị quyết 51/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Lai Châu đến năm 2020; Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 02/10/2012 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Lai Châu đến năm 2020.

Xét đề nghị của Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 144/TTr-SKHĐT ngày 26/02/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành cơ chế quản lý đầu tư thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

(Có bản chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các sở, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về UBND tỉnh (*qua sở Kế hoạch và Đầu tư*) để nghiên cứu sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ NTM tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: Lãnh đạo, chuyên viên, Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Chủ

**CƠ CHẾ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 189/QĐ-UBND ngày 04/3/2014

của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**I. NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

1. Nguồn vốn

Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, bao gồm:

1.1. Lồng ghép nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn

- Vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu đang triển khai và tiếp tục triển khai trong những năm tiếp theo trên địa bàn nông thôn: Chương trình giảm nghèo; chương trình quốc gia về việc làm; chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; chương trình phòng, chống tội phạm; chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình; chương trình phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh nguy hiểm và HIV/AIDS; chương trình thích ứng biến đổi khí hậu; chương trình văn hóa; chương trình giáo dục đào tạo; hỗ trợ đầu tư trụ sở xã; hỗ trợ chia tách huyện, xã...

- Vốn ngân sách tỉnh thực hiện Đề án giao thông nông thôn.

- Vốn tín dụng ưu đãi đầu tư phát triển giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương, hạ tầng làng nghề và thủy sản.

- Vốn ODA, vốn hỗ trợ của các tổ chức phi Chính phủ (NGO).

1.2. Vốn hỗ trợ trực tiếp cho chương trình

- Vốn ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho chương trình: Hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương trực tiếp cho chương trình; vốn trái phiếu chính phủ; vốn tăng thu ngân sách cấp tỉnh, huyện và các nguồn vốn có nguồn gốc ngân sách khác (nếu có).

- Vốn tham gia đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để xây dựng chương trình.

- Vốn huy động đóng góp của cộng đồng, dân cư.

2. Nguyên tắc lồng ghép các nguồn vốn

- Tất cả các công trình, dự án được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước, vốn TPCP, vốn tín dụng ưu đãi triển khai trên địa bàn xã phải phù hợp với Bộ tiêu chí quốc gia về NTM, phù hợp Quy hoạch chung và Đề án xây dựng NTM của xã.

- Việc lồng ghép các nguồn vốn được thực hiện từ khâu lập, phân bổ, giao dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả.

- Lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn để thực hiện một hoặc nhiều dự án, tiêu chí xây dựng NTM.

- Trong quá trình thực hiện lồng ghép các nguồn vốn phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi mục tiêu, tổng mức vốn đầu tư phát triển, tổng mức kinh phí được giao.

3. Sử dụng các loại nguồn vốn

- Đối với các dự án sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn hỗ trợ có mục tiêu, vốn tín dụng ưu đãi thực hiện theo nội dung, cơ chế quản lý sử dụng của từng nguồn vốn, chương trình nhưng quy mô đầu tư, tiêu chuẩn kỹ thuật phải phù hợp với Quy hoạch, Đề án xây dựng NTM của xã.

- Vốn ngân sách tỉnh thực hiện Đề án giao thông nông thôn: Đầu tư nâng cấp, mở mới, kiên cố hóa đường giao thông từ trục chính đến các bản và đường liên bản.

- Vốn ODA, vốn hỗ trợ của các tổ chức phi Chính phủ (NGO) thực hiện theo hiệp định, thỏa thuận ký kết.

- Vốn ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho chương trình gồm: Vốn tăng thu ngân sách địa phương; vốn trái phiếu Chính phủ; vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp cho chương trình và vốn có nguồn gốc ngân sách khác (nếu có), trong giai đoạn 2014 -2016 ưu tiên đầu tư các nội dung: Đầu tư nâng cấp, mở mới, kiên cố hóa đường giao thông nội bản (đường trục, đường ngõ bản), đường giao thông nội đồng, hệ thống thoát nước thải khu dân cư.

- Vốn đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện theo ý kiến của nhà tài trợ.

- Vốn huy động đóng góp của cộng đồng, dân cư để thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng do cộng đồng bàn bạc quyết định, được lồng ghép để thực hiện ở tất cả các dự án đầu tư trên địa bàn xã.

II. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH

1. Xây dựng kế hoạch

- Hàng năm, sở Nông nghiệp và PTNT có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thành phố lập kế hoạch xây dựng NTM cho năm sau. Các huyện, thành phố tổ chức cho các phòng, ban huyện và các xã thảo luận với các bản và cộng đồng dân cư đề xuất kế hoạch. Kế hoạch phải bao gồm: Kết quả đạt được các tiêu chí; đề xuất tiêu chí phấn đấu đạt được năm sau; kiến nghị danh mục, dự án đầu tư năm sau để đạt tiêu chí. UBND cấp huyện giao danh mục chuẩn bị đầu tư cho các xã, các đơn vị cấp huyện (trong đó có danh mục dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù).

UBND các huyện, thành phố chỉ đạo UBND các xã, các phòng ban chuyên môn hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư xây dựng công trình bảo đảm thủ tục và thời gian theo quy định của Chỉ thị 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.

- Sở Nông nghiệp và PTNT thảo luận với các huyện, thành phố, tổng hợp nhu cầu kế hoạch từ xã, huyện thành kế hoạch chung toàn tỉnh. Kế hoạch phải bao gồm: Đánh giá kết quả đạt được; các tiêu chí, nhiệm vụ năm sau cho từng xã, huyện theo hệ thống chỉ tiêu thống nhất; danh mục dự án đầu tư; các giải pháp thực hiện kế hoạch.

- Chậm nhất ngày 15 tháng 7, sở Nông nghiệp và PTNT phải gửi bản kế hoạch toàn tỉnh về UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Tài Chính. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với sở Tài chính thẩm định, tổng hợp chung vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển và dự toán ngân sách của tỉnh để gửi Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương theo quy định.

- Căn cứ nguồn vốn xây dựng NTM được Chính phủ giao, nguồn vốn ngân sách tỉnh dự kiến giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Nông nghiệp và PTNT xây dựng phương án phân bổ vốn chương trình cho các huyện, thành phố trình Ban chỉ đạo xây dựng NTM tỉnh xem xét cho ý kiến trước khi trình UBND tỉnh.

- UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh quyết định giao kế hoạch cho các huyện, thành phố thực hiện.

- Căn cứ kế hoạch UBND tỉnh giao. UBND huyện, thành phố giao kế hoạch chi tiết cho các xã chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi quyết định giao kế hoạch của UBND tỉnh có hiệu lực. Kế hoạch cấp huyện phải chi tiết từng nguồn vốn, mức vốn cho từng dự án cụ thể. Kế hoạch cấp huyện phải được HĐND huyện hoặc Thường trực HĐND huyện thông qua trước khi quyết định.

- Căn cứ kế hoạch được UBND huyện, thành phố giao, UBND xã thông báo công khai kế hoạch đến Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn bản và cộng đồng dân cư để tổ chức triển khai thực hiện.

Việc giao kế hoạch của các cấp phải bao gồm giao chỉ tiêu hoàn thành các tiêu chí, kế hoạch đầu tư và kế hoạch vốn sự nghiệp xây dựng NTM.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn

Việc phân bổ vốn để thực hiện chương trình xây dựng NTM được thực hiện nhất quán theo phương châm: Huyện, xã, bản nào làm tốt, có phong trào xây dựng NTM trong nhân dân tốt, ưu tiên hỗ trợ vốn để thực hiện; nơi nào có phong trào yếu, không vận động được nhân dân tích cực tham gia thì chưa được ưu tiên; ưu tiên phân bổ vốn để hoàn thành theo tiêu chí cho các xã điểm đăng ký hoàn thành chương trình NTM. Không phân bổ vốn bình quân cho các huyện, các xã, các bản.

Hàng năm Ban chỉ đạo chương trình xây dựng NTM cấp tỉnh đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng NTM, kế hoạch vốn để làm cơ sở phân bổ vốn cho năm sau. Những xã, huyện nào đã đăng ký chỉ tiêu kế hoạch năm trước mà không hoàn thành sẽ bị trừ vốn của năm sau.

III. QUY MÔ VÀ ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ

1. Đường giao thông (bao gồm cả giao thông nội đồng)

Về quy mô, kỹ thuật đường giao thông nông thôn: Thực hiện theo Quyết định 315/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020.

1.1. Đường giao thông đến bản, liên bản, giao thông nội đồng

- Tùy theo địa hình, quy mô dân cư lựa chọn đầu tư quy mô cấp đường theo cấp A, B, C.

- Mức hỗ trợ:

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí mở mới nền đường, mức hỗ trợ tối đa đối với: Đường cấp A là 500 triệu đồng/km, đường cấp B là 400 triệu đồng/km, đường cấp C là 300 triệu đồng/km.

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí nâng cấp nền đường đối với những nơi đã có nền đường nhưng còn hẹp, chưa đủ tiêu chuẩn quy định, mức hỗ trợ tối đa: Đường cấp A là 250 triệu đồng/km, đường cấp B là 200 triệu đồng/km, đường cấp C là 150 triệu đồng/km

+ Đối với việc kiên cố hóa công, rãnh, mặt: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% xi măng, vật tư, vật liệu đến chân công trình.

Nhân dân góp đất, công lao động, bản nào vận động được người dân tham gia thì làm trước. Khuyến khích những nơi nhân dân tham gia góp vật tư, vật liệu sẵn có tại địa phương.

1.2. Đường giao thông trong bản (đường trục, đường ngõ)

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% xi măng, vật tư, vật liệu đến chân công trình.

Nhân dân góp đất, công lao động, bản nào vận động được người dân tham gia thì làm trước. Khuyến khích những nơi nhân dân tham gia góp vật tư, vật liệu sẵn có tại địa phương.

Trường hợp không vận động được nhân dân hiến đất có thể dùng quỹ đất chung của xã để đổi đất của dân tại khu vực cần giải phóng mặt bằng. UBND xã thông nhất với Thường trực HĐND xã để vận động nhân dân thực hiện.

2. Đối với các cơ sở hạ tầng khác

Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của các Bộ, ngành Trung ương ban hành và các hướng dẫn cụ thể khác do UBND tỉnh ban hành để thực hiện bộ tiêu chí quốc gia xây dựng NTM.

IV. CƠ CHẾ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

1. Chủ đầu tư, cấp quyết định đầu tư

1.1. Chủ đầu tư

- Ban quản lý xây dựng NTM xã làm chủ đầu tư các công trình có kỹ thuật đơn giản và áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình có quy mô vốn đầu tư từ 3 tỷ đồng trở xuống được áp dụng cơ chế đặc thù không phải lập báo cáo kinh tế kỹ thuật chỉ lập dự toán.

- UBND huyện, thành phố làm chủ đầu tư các công trình còn lại. UBND huyện, thành phố giao cho một đơn vị có đủ năng lực để thực hiện.

1.2. Cấp quyết định đầu tư

- UBND xã quyết định đầu tư các công trình giao cho Ban quản lý xã làm chủ đầu tư. UBND huyện, thành phố có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn giúp xã trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, triển khai thực hiện dự án.

- UBND huyện, thành phố quyết định đầu tư các công trình còn lại.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán đầu tư

2.1. Đối với các công trình do Ban quản lý xây dựng NTM xã làm chủ đầu tư.

2.1.1. Lập dự toán đầu tư công trình

a) Trình tự lập dự toán

Căn cứ danh mục công trình được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, Ban Quản lý xã thông báo, phổ biến đến bản và cộng đồng dân cư.

- Các phòng, ban cấp huyện, Ban Quản lý xã cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ Ban Phát triển bản lập dự toán đầu tư công trình. Sau khi lập xong dự toán, Ban Phát triển bản tổ chức họp lấy ý kiến của người dân trong bản, thống nhất về các nội dung của dự toán và các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân.

- Ban Phát triển bản hoàn chỉnh dự toán theo các ý kiến đã thống nhất tại cuộc họp thôn, bản trình Ban quản lý xã để trình Ủy ban nhân dân xã (*kèm biên bản họp thôn, bản*) tổ chức thẩm định và phê duyệt.

- Trong trường hợp xã, bản không có đủ năng lực lập dự toán, UBND huyện, thành phố cử cán bộ hỗ trợ xã lập dự toán hoặc thuê tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp lập dự toán. Chi phí thuê lập dự toán được tính tối đa bằng 1% chi phí trực tiếp dự toán xây dựng công trình (*tùy từng công trình, UBND xã báo cáo UBND huyện, thành phố mức chi phí cụ thể*). Nguồn vốn trả cho chi phí này lấy từ nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện.

b) Nội dung dự toán

- Tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, chủ đầu tư, quy mô công trình, tiêu chuẩn kỹ thuật theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thời gian thực hiện và nội dung khác (*nếu có*).

- Giá trị dự toán, trong đó gồm kinh phí nhà nước hỗ trợ, đóng góp của nhân dân, huy động khác (*nếu có*), hình thức đóng góp; nguồn vốn đầu tư công trình.

- Bản vẽ thi công công trình (*nếu có*) theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Khả năng tự thực hiện của nhân dân, cộng đồng hưởng lợi.

2.1.2. Thẩm định dự toán.

- Sau khi hoàn thành dự toán, Ban Phát triển bản báo cáo Ban Quản lý xã đề trình Ủy ban nhân dân xã thẩm định (*đối với những xã, bản không có đủ năng lực thẩm định, báo cáo UBND huyện để thành lập Tổ giúp việc thẩm định*).

- Hồ sơ trình thẩm định gồm: Dự toán, biên bản các cuộc họp bản và các hồ sơ, văn bản pháp lý liên quan đến xây dựng công trình (*nếu có*).

- Tổ thẩm định: Ủy ban nhân dân xã thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã làm Tổ trưởng, đại diện Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xã (*sau đây gọi là Ban Giám sát cộng đồng xã*), tài chính - kế toán xã, chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn do cộng đồng bình chọn. UBND huyện, thành phố cử cán bộ chuyên môn giúp xã trong quá trình thẩm định.

- Nội dung thẩm định: Tính phù hợp về kỹ thuật; mặt bằng thi công; khả năng huy động vốn (*Nhà nước, đóng góp của nhân dân, các nguồn lực khác*); sự phù hợp của công trình với quy hoạch NTM của xã; tính hợp lý của các chi phí so với mặt bằng giá của địa phương, với các công trình tương tự đã và đang thực hiện; khả năng tự thực hiện của nhân dân và cộng đồng được giao thi công công trình.

- Tổ thẩm định phải báo cáo kết quả thẩm định bằng văn bản với Ủy ban nhân dân xã, đồng thời gửi cho Ban Phát triển bản.

Trường hợp ý kiến thẩm định chưa thống nhất với dự thảo dự toán, phải ghi nội dung chưa thống nhất trong báo cáo kết quả thẩm định để Ban Phát triển bản điều chỉnh, bổ sung.

- Thời gian thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định: Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.1.3. Phê duyệt dự toán

Ủy ban nhân dân xã phê duyệt dự toán phải trên cơ sở dự toán do Ban quản lý xã và Ban phát triển thôn, bản trình, báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định, báo cáo thẩm định nguồn vốn, phần vốn của phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố.

2.2. Các công trình còn lại thực hiện theo trình tự đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

3. Thẩm định nguồn vốn và phần vốn

- Đối với các công trình giao cho Ban quản lý xã làm chủ đầu tư. Trên cơ sở tờ trình đề nghị thẩm định nguồn vốn và phần vốn, báo cáo kết quả thẩm định dự toán đầu tư của tổ thẩm định, phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định nguồn vốn và phần vốn. Thời gian thẩm định không quá 7 ngày làm việc.

- Đối với các công trình do huyện, thành phố làm chủ đầu tư phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định nguồn vốn và phần vốn.

Nội dung thẩm định theo công văn 865/UBND-XD ngày 17/5/2013 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn quy trình thẩm định nguồn vốn và phần vốn các dự án đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi khác (*nếu có*).

4. Lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

4.1. Đối với các công trình do Ban quản lý xã làm chủ đầu tư

- Ban quản lý xã ký hợp đồng với Ban phát triển bản (*đại diện cho cộng đồng dân cư*) để tổ chức thi công công trình.

- Đối với các hạng mục yêu cầu kỹ thuật cao hơn như: Xây dựng cống, rãnh, kênh mương hoặc các hạng mục xây dựng yêu cầu phải có kỹ thuật, Ban quản lý xã ký hợp đồng với tổ, nhóm thợ có đủ điều kiện để thực hiện.

4.2. Đối với các công trình do cấp huyện, thành phố làm chủ đầu tư

Thực hiện các hình thức đấu thầu theo quy định hiện hành.

5. Giám sát công trình

Ban quản lý xã và Ban phát triển bản tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình. Ban giám sát đầu tư cộng đồng xã có trách nhiệm giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình.

Giám sát đầu tư cộng đồng thực hiện theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 14/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế giám sát cộng đồng và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của liên Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

6. Tổ chức nghiệm thu công trình

- Đối với các công trình do xã làm chủ đầu tư. Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành, thành phần nghiệm thu gồm: Ban quản lý xã, Ban giám sát đầu tư cộng đồng xã, Ban Phát triển bản tổ chức nghiệm thu công trình theo quy định.

- Đối với các công trình cấp huyện, thành phố làm chủ đầu tư: Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành, thành phần nghiệm thu gồm: Tư vấn thiết kế, giám sát chủ đầu tư và tư vấn giám sát (*nếu có*), đơn vị thi công, Ban quản lý xã, Ban giám sát đầu tư cộng đồng, Trưởng ban quản lý sử dụng công trình sau đầu tư.

- Bàn giao quản lý, khai thác công trình: Sau khi nghiệm thu, chủ đầu tư phải bàn giao công trình và bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình theo quy định cho UBND xã để giao cho bản, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý sử dụng, bảo trì công trình.

7. Về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư

- Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các công trình do Ban quản lý xã làm chủ đầu tư: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (*nếu có*). Đối với các công trình thực hiện theo hình thức Ngân sách nhà nước hỗ trợ vật liệu xây dựng và các hình thức hỗ trợ khác, giao cho sở Tài chính nghiên cứu tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quy định cụ thể về hồ sơ,

thủ tục việc quản lý, thanh toán, quyết toán phần vốn Ngân sách nhà nước cho phù hợp với điều kiện cụ thể của cấp xã trong tỉnh và của nhà nước.

- Đối với các công trình được Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố phê duyệt thực hiện theo quy định hiện hành.

8. Chế độ thông tin, báo cáo

8.1. Cấp xã

UBND xã Báo cáo định kỳ (*tháng, quý, năm*) và các báo cáo đột xuất khác về tình hình triển khai, thực hiện chương trình xây dựng NTM của xã về UBND huyện, thành phố thông qua phòng Nông nghiệp và PTNT (*hoặc phòng Kinh tế đối với thành phố*).

8.2. Cấp huyện

Phòng Nông nghiệp và PTNT là đầu mối của cấp huyện theo dõi, giám sát, đánh giá báo cáo tình hình xây dựng NTM (*trong đó bao gồm báo cáo về tình hình đầu tư xây dựng*). Xây dựng biểu mẫu báo cáo, đơn đốc các xã báo cáo, tổng hợp báo cáo gửi các cơ quan thường trực Ban chỉ đạo cấp tỉnh gồm các sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng.

8.3. Cấp tỉnh

Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan đầu mối cấp tỉnh chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá, báo cáo định kỳ (*tháng, quý, năm*) và các báo cáo đột xuất khác về tình hình triển khai, thực hiện chương trình xây dựng NTM trên địa bàn toàn tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Chủ trì hướng dẫn, đơn đốc, kiểm tra toàn diện việc xây dựng và tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch từ các huyện, thành phố gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

- Chủ trì thống nhất với các sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Tài chính ban hành mẫu báo cáo chung cho cấp huyện, cấp tỉnh; hỗ trợ huyện, thành phố hướng dẫn mẫu báo cáo cho các xã.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất về xây dựng NTM toàn tỉnh bảo đảm tiến độ, chất lượng.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì phối hợp với sở Tài chính, sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng NTM, lồng ghép các nguồn vốn báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh trước khi trình UBND tỉnh.

- Tổng hợp, báo cáo kế hoạch xây dựng NTM vào kế hoạch chung toàn tỉnh. Phối hợp hướng dẫn các huyện, thành phố về xây dựng, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch. Tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện đầu tư theo chức năng nhiệm vụ của sở Kế hoạch và Đầu tư, theo sự phân công của Ban chỉ đạo, UBND tỉnh.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Nông nghiệp và PTNT trong xây dựng, phân bổ kế hoạch, lồng ghép nguồn vốn, báo cáo tình hình thực hiện.

- Hướng dẫn UBND huyện, thành phố trình tự, thủ tục hồ sơ thanh toán, quyết toán nguồn vốn thuộc chương trình. Cụ thể hóa các quy định của Trung ương phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh quy định cụ thể hồ sơ, thủ tục việc quản lý, thanh toán, quyết toán phần vốn Ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với các công trình thực hiện theo hình thức "Ngân sách nhà nước hỗ trợ vật liệu xây dựng" và các hình thức hỗ trợ khác cho phù hợp với điều kiện thực tế của cấp xã trên địa bàn tỉnh và của Nhà nước.

4. Các sở, ban, ngành khác

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tham mưu cho UBND tỉnh ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình để các xã thực hiện; hướng dẫn các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành; có trách nhiệm phối hợp với các ngành, UBND các huyện, thành phố đôn đốc, triển khai, thực hiện chương trình xây dựng NTM đảm bảo mục tiêu đề ra.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Hướng dẫn các xã tổ chức, triển khai thực hiện chương trình xây dựng NTM: xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát báo cáo đánh giá tình hình thực hiện.

- Giao kế hoạch xây dựng NTM cho các xã, đơn vị triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định.

- Cử cán bộ giúp xã trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt dự toán, tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, bàn giao công trình vào khai thác sử dụng.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cá nhân, tổ chức có liên quan phản ánh bằng văn bản về sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu để tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Chử

1912
1913
1914
1915
1916
1917
1918
1919
1920
1921
1922
1923
1924
1925
1926
1927
1928
1929
1930
1931
1932
1933
1934
1935
1936
1937
1938
1939
1940
1941
1942
1943
1944
1945
1946
1947
1948
1949
1950
1951
1952
1953
1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960
1961
1962
1963
1964
1965
1966
1967
1968
1969
1970
1971
1972
1973
1974
1975
1976
1977
1978
1979
1980
1981
1982
1983
1984
1985
1986
1987
1988
1989
1990
1991
1992
1993
1994
1995
1996
1997
1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025
2026
2027
2028
2029
2030
2031
2032
2033
2034
2035
2036
2037
2038
2039
2040
2041
2042
2043
2044
2045
2046
2047
2048
2049
2050
2051
2052
2053
2054
2055
2056
2057
2058
2059
2060
2061
2062
2063
2064
2065
2066
2067
2068
2069
2070
2071
2072
2073
2074
2075
2076
2077
2078
2079
2080
2081
2082
2083
2084
2085
2086
2087
2088
2089
2090
2091
2092
2093
2094
2095
2096
2097
2098
2099
2100

**PHỤ LỤC I, II, III ÁP DỤNG CHO CÁC CÔNG TRÌNH CÓ THIẾT KẾ
ĐƠN GIẢN ÁP DỤNG THIẾT KẾ MẪU, THIẾT KẾ ĐIỂN HÌNH CÓ TỔNG MỨC
VỐN TỪ 3 TỶ ĐỒNG TRỞ XUỐNG**



(Ban hành kèm theo Quyết định số: 189 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

UBND XÃ
BAN PHÁT TRIỂN BÀN ...

**PHỤ LỤC I
DỰ TOÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20 ...

DỰ TOÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH.....

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân xã...
- Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-UBND ngày.../.../..... của Ủy ban nhân dân huyện..... phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xã.....;

Căn cứ Quyết định số... của Sở..... tỉnh..... về việc ban hành hướng dẫn thiết kế mẫu công trình.....

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày... về việc giao kế hoạch chuẩn bị đầu tư

I. Thôn lập dự toán đầu tư công trình như sau:

1. Tên công trình:
2. Chủ đầu tư:
3. Quy mô công trình:
4. Địa điểm xây dựng:
5. Mục tiêu và nội dung đầu tư xây dựng (chỉ số kỹ thuật..., theo tiêu chuẩn...,...):
6. Thời gian dự kiến khởi công - hoàn thành:
7. Hình thức thi công (tự thực hiện hoặc thuê nhân công,):
8. Quy định về thanh quyết toán:
9. Tổng hợp chi phí xây dựng (có thể lập thành biểu riêng, kèm theo):

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Định mức (cho 1 ĐVT)	Số lượng	Khối lượng	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	CHI PHÍ VẬT LIỆU (VL)							
1	Xi măng	Tấn						
2	Đá dăm	m ³						
3	Cát	m ³						
4	Thép	kg						
5	Gạch	viên						
6	Gỗ, ván khuôn	m ³						
	...							
B	CHI PHÍ MÁY THI CÔNG (MTC)							
1	Máy trộn bê tông	ca						
2	Máy cắt uốn thép	ca						
3	Máy đầm bàn	ca						
	...							
C	CHI PHÍ NHÂN CÔNG							

	(NC)							
1	Nhân công đào	công						
2	Nhân công đắp	công						
3	Nhân công đổ bê tông	công						
							
D	NỘI DUNG KHÁC (NẾU CÓ)							
TỔNG CỘNG								

II. Ban Phát triển bản..... đề nghị như sau:

1. Nhà nước hỗ trợ:

+ Khối lượng vật liệu.....; tiền..... triệu đồng;

+ Chi phí quản lý:..... triệu đồng;

.....

2. Dự kiến mức đóng góp của nhân dân..... triệu đồng (nếu đóng góp nhân công, vật liệu... thì ghi rõ và quy ra tiền), gồm: Nhân công, vật liệu thi công, máy thi công, tiền mặt...

Ban Phát triển bản đề nghị Ủy ban nhân dân xã, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã, thẩm định và phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban quản lý xây dựng NTM xã;
- Tổ thẩm định...;
- Lưu...

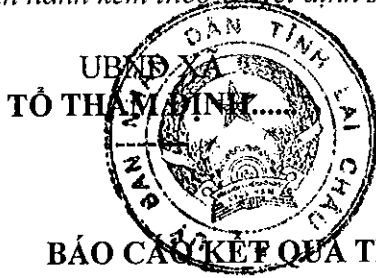
BAN PHÁT TRIỂN BẢN.....

Ghi chú về thông tin bảng tổng hợp chi phí xây dựng:

- (4) ở đây là định mức được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền (hoặc tương đương giá thị trường) về lượng vật liệu, máy thi công, nhân công cho 1 đơn vị tính -ĐVT (1km kênh mương, 1km đường giao thông; 1 công trình nhà văn hóa...);
- (5) là số lượng thực tế của công trình (ví dụ: 3km đường, 2 km kênh, 5 cống...);
- (6) là khối lượng (VL, MTC, NC) = (4)*(5);
- (7) là đơn giá VL, MTC, NC được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền;
- (8) Tổng chi phí thành tiền = (6)*(7)

PHỤ LỤC II

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 189/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã...

- Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của về bổ sung cơ chế đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 của Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư số...../TT-BKHĐT ngày...../...../2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

- Căn cứ Quyết định số..... phê duyệt danh mục các dự án, công trình được thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù của Ủy ban nhân dân...;

- Căn cứ vào biên bản họp thẩm định.....;

- Căn cứ.....;

Sau khi thẩm định, Tổ thẩm định báo cáo kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự toán đầu tư công trình....., tại bản..... với các nội dung như sau (gửi kèm theo dự toán đầu tư công trình):

I. Nội dung:

1. Tên công trình:

2. Chủ đầu tư:

3. Quy mô công trình:

4. Địa điểm:

5. Mục tiêu và nội dung đầu tư xây dựng (chỉ số kỹ thuật....., theo tiêu chuẩn...):

6. Tổng vốn đầu tư:

- Nguồn vốn ngân sách hỗ trợ:...

- Nguồn vốn do dân góp:...

...

7. Thời gian thực hiện

8. Hình thức thi công (tự thực hiện hoặc thuê nhân công, ...):

9. Các nội dung khác (nếu có):

.....

II. Kiến nghị:

1. Nội dung thống nhất:

2. Nội dung chưa thống nhất (nếu có):

3. Nội dung khác:

.....

Tổ thẩm định, kính trình Ủy ban nhân dân xã xem xét, phê duyệt./.

TM. TỔ THẨM ĐỊNH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã;
- Ban Phát triển bản;
- Lưu....

PHỤ LỤC III

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NGUỒN VỐN VÀ PHÂN VỐN CÔNG TRÌNH ...
(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~189~~ /QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

UBND HUYỆN.....
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ
HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NGUỒN VỐN VÀ PHÂN VỐN CÔNG TRÌNH
Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

- Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của về bổ sung cơ chế đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Chỉ thị 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư số.../TT-BKHĐT ngày.../.../2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

- Căn cứ Quyết định số..... phê duyệt danh mục các dự án, công trình được thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù của Ủy ban nhân dân.....;

- Căn cứ vào biên bản họp thẩm định.....; Căn cứ.....; Căn cứ Báo cáo thẩm định dự toán đầu tư công trình.....

Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo kết quả thẩm định nguồn vốn và phân vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với nội dung như sau:

I. Nội dung:

1. Tên công trình:
2. Chủ đầu tư:
3. Quy mô công trình:
4. Địa điểm:
5. Mục tiêu và nội dung đầu tư xây dựng (chỉ số kỹ thuật..., theo tiêu chuẩn...):
6. Tổng vốn đầu tư:...
- Nguồn vốn ngân sách hỗ trợ:....; Nguồn vốn do dân góp:....; ...
7. Thời gian thực hiện
8. Hình thức thi công (tự thực hiện hoặc thuê nhân công, ...):
9. Phân kỳ vốn đầu tư

Năm	Nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	Nguồn vốn	Nguồn vốn.....
Năm thứ nhất			
Năm thứ hai			
.....			

10. Các nội dung khác (nếu có):

Phòng Tài chính - Kế hoạch, kính gửi Ủy ban nhân dân xã xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã;
- Ban Phát triển bản;
- Lưu....

TM. PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH